TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 14 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Cu Thị Ch, sinh năm: 1958, số căn cước công dân: 002158000229 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/4/2021.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Ly Vần S, sinh năm: 1947, số căn cước công dân: 002047000078 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/4/2021.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cu Thị Ch và ông Ly Vần S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cu Thị Ch và ông Ly Vần S nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Cu Thị Ch và ông Ly Vần S có 04 con chung: Chị Ly Thị S1, sinh ngày: 01/01/1978; chị Ly Thị S2, sinh ngày: 01/01/1984; chị Ly Thị V, sinh ngày: 06/8/1986 và anh Ly Seo D, sinh ngày: 05/5/1988. Các con đã trưởng thành, bà Ch, ông S không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Cu Thị Ch và ông Ly Vần S tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Cu Thị Ch tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Ch đã nộp (*Nguyễn Huy B – Thôn 3, xã Hoàng Su Phì, tỉnh Tuyên Quang nộp thay*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000104 ngày 15/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho bà Ch 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã N1, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh